

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xổ số kiến thiết.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các loại hình xổ số.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 66 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 68 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết, cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn

Khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến không quá 12 tháng kể từ ngày đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, vé xổ số: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo Công văn số 4995/VPUBND-KTTH ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	06-08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập khi doanh nghiệp xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác lập như sau: $DP_{tt} = DT \times TL_{kh} - TT_{tt}$

Trong đó:

- DP_{tt} : Mức trích lập dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT : Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TL_{kh} : Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TT_{tt} : Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dự quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không quá 03% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dự quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong năm vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dự quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu (nộp vào Ngân sách Nhà nước) sau khi trích lập các quỹ theo các quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

Phân lợi nhuận sau khi trích quỹ được ghi nhận là khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước.

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh cùng kỳ tiêu thụ vé số được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ghi nhận chi phí tiền lương theo quy định:

- Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2021 được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 và của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, đối với người quản lý Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2021 được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 và của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ tiền lương năm 2021 của Công ty được tạm tính theo các quy định trên và có thể sẽ được điều chỉnh tùy theo kết quả phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	667.076.420	75.875.525
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.579.678.387	46.086.647.266
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	-	210.000.000.000
Cộng	31.246.754.807	256.162.522.791

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	637.008.100.000	637.008.100.000	762.058.600.000	762.058.600.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 04 tháng đến 12 tháng	637.008.100.000	637.008.100.000	762.058.600.000	762.058.600.000

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 13 tháng	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Cộng	677.008.100.000	677.008.100.000	762.058.600.000	762.058.600.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang ⁽ⁱ⁾	30.706.725.000	-	30.706.725.000	-
Công ty Cổ phần Phát Tài ⁽ⁱⁱ⁾	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	31.206.725.000	-	31.206.725.000	-

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 3.018.750 cổ phiếu tương đương 8,63% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 50.000 cổ phiếu tương đương 2,76% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát Tài.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư đó do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	19.528.293.750
Số cuối kỳ	-	19.528.293.750

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác		
Bà Lê Thị Quyên	21.817.713.444	21.635.152.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	23.656.276.280	22.869.539.000
Các khách hàng khác	193.666.180.651	209.273.412.037
Cộng	239.140.170.375	253.778.103.037

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ngọc Hầu				
- Phải thu khác	9.030.150.000	(9.030.150.000)	9.030.150.000	(9.030.150.000)
Lãi dự thu các khoản tiền gửi có kỳ hạn	16.785.174.496	-	27.112.594.835	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	97.500.000	-	19.800	-
Cộng	25.912.824.496	(9.030.150.000)	36.142.764.635	(9.030.150.000)

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ngọc Hầu - Phải thu khác	Trên 03 năm	9.030.150.000	-	Trên 03 năm	9.030.150.000	-
Ông Âu Minh Sang - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	5.979.856	-	Trên 03 năm	5.979.856	-
Cộng		9.036.129.856	-		9.036.129.856	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.036.129.856	9.036.129.856
Số cuối kỳ	9.036.129.856	9.036.129.856

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.480.458.574	-	2.376.892.891	-
Hàng hóa	424.244.989	-	676.433.182	-
Vé xổ số	2.653.106.021	-	1.611.007.000	-
Cộng	5.557.809.584	-	4.664.333.073	-

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	17.247.998	184.404.937
Chi phí in lịch	-	826.760.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	81.057.960	53.203.316
Cộng	98.305.958	1.064.368.253

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	310.075.952	218.805.283

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất trả trước	1.453.971.860	1.665.601.940
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	574.608.442	756.207.140
Các chi phí trả trước dài hạn khác	90.383.657	79.504.140
Cộng	<u>2.429.039.911</u>	<u>2.720.118.503</u>

8. **Tài sản ngắn hạn khác**
Là khoản tạm ứng nhân viên.

9. **Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.626.610.324	809.847.326	4.276.848.181	842.389.681	11.555.695.512
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.000.000)	-	-	(31.000.000)
Số cuối kỳ	<u>5.626.610.324</u>	<u>778.847.326</u>	<u>4.276.848.181</u>	<u>842.389.681</u>	<u>11.524.695.512</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.794.910.324	444.238.235	3.229.039.090	377.582.408	6.845.770.057
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.995.332.741	571.576.824	3.398.040.556	478.709.026	9.443.659.147
Khấu hao trong kỳ	56.634.000	32.612.424	87.317.424	46.480.728	223.044.576
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.000.000)	-	-	(31.000.000)
Số cuối kỳ	<u>5.051.966.741</u>	<u>573.189.248</u>	<u>3.485.357.980</u>	<u>525.189.754</u>	<u>9.635.703.723</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	631.277.583	238.270.502	878.807.625	363.680.655	2.112.036.365
Số cuối kỳ	<u>574.643.583</u>	<u>205.658.078</u>	<u>791.490.201</u>	<u>317.199.927</u>	<u>1.888.991.789</u>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. **Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm kế toán</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.810.000	736.273.800	1.987.083.800
Số cuối kỳ	<u>1.250.810.000</u>	<u>736.273.800</u>	<u>1.987.083.800</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	201.673.800	201.673.800

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm kế toán	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	374.363.371	374.363.371
Khấu hao trong kỳ	-	53.460.000	53.460.000
Số cuối kỳ	-	427.823.371	427.823.371
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.810.000	361.910.429	1.612.720.429
Số cuối kỳ	1.250.810.000	308.450.429	1.559.260.429

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	1.778.893.600	-
Các nhà cung cấp khác	699.240.000	-
Cộng	2.478.133.600	-

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	14.454.545	82.727.272
Cộng	14.454.545	82.727.272

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	44.741.396.019	240.443.864.025	(249.103.407.134)	36.081.852.910
Thuế tiêu thụ đặc biệt	58.984.939.956	316.010.419.088	(327.455.790.275)	47.539.568.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.247.240.639	62.064.129.815	(75.560.229.711)	36.751.140.743
Lợi nhuận còn lại phải nộp				
Ngân sách	516.672.804.704	30.000.000.000	(546.672.804.704)	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.781.545.373	94.221.905.935	(93.500.612.930)	14.502.838.378
Tiền thuế đất	-	211.630.080	(211.630.080)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	684.427.926.691	742.954.948.943	(1.292.507.474.834)	134.875.400.800

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống với thuế suất 15%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	310.215.951.046	339.255.125.677
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	104.698.030	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	310.320.649.076	339.255.125.677
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	310.320.649.076	339.255.125.677
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	62.064.129.815	67.851.025.135

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Lợi nhuận còn lại phải nộp Ngân sách

Công ty nộp lợi nhuận còn lại cho Ngân sách Nhà nước sau khi nộp thuế và trích các quỹ.

Tiền thuế đất

Công ty nộp theo thông báo của Cục thuế tỉnh An Giang.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	2.641.081.629	5.571.975.629
Cộng	2.641.081.629	5.571.975.629

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các khoản đóng góp xã hội của cán bộ công nhân viên	106.277.000	84.805.000
Thu hộ mở hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn cho đại lý	-	876.869.230
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	634.742.700	499.890.274
Cộng	741.019.700	1.461.564.504

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Dự phòng rủi ro trả thưởng

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	146.649.685.800	139.644.759.900
Số cuối kỳ	146.649.685.800	139.644.759.900

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.970.380.375	(1.217.206.000)	753.174.375
Quỹ phúc lợi	2.014.513.813	(1.526.552.000)	487.961.813
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	507.469.000	(263.350.000)	244.119.000
Cộng	4.492.363.188	(3.007.108.000)	1.485.255.188

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	271.404.100.542	271.404.100.542
Số dư cuối kỳ trước	500.000.000.000	271.404.100.542	771.404.100.542
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	248.151.821.231	248.151.821.231
Trích nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	500.000.000.000	218.151.821.231	718.151.821.231

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 500.000.000.000 VND.

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ như sau:

VND

- Lợi nhuận còn lại nộp về Ngân sách : 30.000.000.000

Và trong kỳ, Công ty đã nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách số tiền là 546.672.804.704 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**19a. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
	VND	VND	
Ông Vương Kim Sự	283.580.012	283.580.012	Không có khả năng trả nợ
Ông Nguyễn Ngọc Ảnh	274.822.742	274.822.742	Không có khả năng trả nợ
Ông Lê Văn Cường	395.194.000	395.194.000	Không có khả năng trả nợ
Các đối tượng khác	1.566.067.833	1.566.067.833	Không có khả năng trả nợ
Cộng	2.519.664.587	2.519.664.587	

19b. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp

Là giá trị các sổ tiết kiệm nhận thế chấp của Đại lý.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	2.422.746.545.460	2.023.601.754.526
Cộng	2.422.746.545.460	2.023.601.754.526

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch doanh thu với các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế tiêu thụ đặc biệt kinh doanh xổ số truyền thống	316.010.419.088	263.948.055.071
Cộng	316.010.419.088	263.948.055.071

3. Chi phí kinh doanh

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí trả thưởng	1.360.810.600.000	1.054.801.300.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	417.862.350.933	352.849.116.514
Cộng	1.778.672.950.933	1.407.650.416.514

(*) Trong đó, chi phí trực tiếp phát hành xổ số gồm:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng đại lý	399.753.180.000	333.887.989.500
Chi phí uỷ quyền trả thưởng	1.313.795.000	1.073.724.200
Chi phí phục vụ xổ số	374.177.000	400.951.000
Chi phí quay số mở thưởng, giám sát khác	382.860.000	476.285.905
Chi phí chống số đề	42.750.000	90.500.000
Chi phí công in giấy	14.931.043.478	16.197.165.909
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	1.004.545.455	662.500.000
Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số khu vực	60.000.000	60.000.000
Cộng	417.862.350.933	352.849.116.514

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	20.586.967.163	19.172.784.550
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	106.577.281	237.511.113
Cộng	20.693.544.444	19.410.295.663

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tuyên truyền quảng cáo	3.202.494.095	1.510.850.744
Chi phí tài trợ	14.064.700.000	9.415.277.090
Cộng	17.267.194.095	10.926.127.834

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.403.427.681	13.516.851.305
Chi phí đồ dùng văn phòng	295.032.301	368.979.797
Chi phí khấu hao tài sản cố định	276.504.576	295.726.238
Thuế, phí và lệ phí	214.630.080	111.019.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	633.304.752	549.146.504
Các chi phí khác	5.738.891.850	7.025.270.165
Cộng	21.561.791.240	21.866.993.529

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13.636.364	-
Thu tiền bán giấy vụn	177.586.489	261.793.409
Thu từ hoạt động hủy vé hộ các Công ty xổ số	228.500.000	227.045.454
Thu tiền từ dịch vụ cung cấp kết quả xổ số	82.727.272	251.909.089
Thu nhập khác	11.564.403	4.620.484
Cộng	514.014.528	745.368.436

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hủy vé ế	121.100.000	110.700.000
Chi phí chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	104.698.030	-
Cộng	225.798.030	110.700.000

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Chủ tịch Công ty, các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

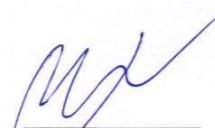
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

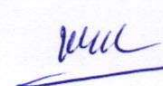
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	2.643.000.000	2.531.000.000
Cộng	<u>2.643.000.000</u>	<u>2.531.000.000</u>

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

An Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2021


Lê Thành Trí
Người lập


Lưu Thị Huỳnh Phượng
Kế toán trưởng


Võ Trung Dũng
Giám đốc

